

Bản án số: **179/2025/DS-ST**

Ngày: 29-8-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Quyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Công Hiệp

2. Bà Phạm Thị Giàu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai:** Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 315/2025/TLST-DS ngày 24/3/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2025/QĐXXST-DS ngày 31/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 542/2025/QĐST-DS ngày 14/8/2025, giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông Lê Long Phi Đ, sinh năm 1979;

Địa chỉ: A Đ, khu phố N, phường T, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968;

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: A, khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Đ có mặt; bà D, ông T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Long Phi Đ trình bày:**

Trước tháng 10/2022 ông Đ có hỏi thuê 01 kiốt của bà D, ông T giá 6.000.000 đồng/1 tháng để bán nước ép và sinh tố; ông Đ đã đưa 18.000.000 đồng cho bà D, ông T (gồm tiền cọc 2 tháng và tiền thuê 01 tháng). Sau đó bà D, ông T có ý định cho người khác thuê giá cao hơn, nên sắp xếp cho ông Đ thuê một chỗ khác. Ông Đ không đồng ý và ông Đ thuê chỗ khác. Ông Đ yêu cầu bà D, ông T trả lại 18.000.000 đồng; bà D, ông T không trả lại tiền mà còn mua thêm

của ông Đ xe bán sinh tố với thùng đá thêm 3.000.000 đồng. Vậy là lúc này bà D, ông T nợ ông Đ 21.000.000 đồng.

Vào ngày 04/10/2022, ông Đ có chuyển thêm 29.000.000 đồng vào tài khoản của bà Nguyễn Thị D 29.000.000 đồng nội dung vợ chồng bà D, ông T mượn.

Ngày 05/10/2022, ông Đ có chuyển vào tài khoản bà Nguyễn Thị D 50.000.000 đồng, nội dung vợ chồng bà D, ông T mượn.

Vì ông Đ đã đưa trước 18.000.000 đồng trước tháng 10 và chuyển tiền ngày 04 và ngày 05 tháng 10 nên giấy mượn tiền viết mượn ngày 01/10/2022 và hoàn trả đúng hạn ngày 01/12/2022. Tính đến nay đã quá hạn mà chưa trả.

Ngày 22/10/2022, ông Đ có chuyển vào tài khoản bà Nguyễn Thị D 30.000.000 đồng, nội dung vợ chồng bà D, ông T mượn.

Ngày 24/10/2022, ông Đ có chuyển vào tài khoản bà Nguyễn Thị D 20.000.000 đồng, nội dung vợ chồng bà D, ông T mượn.

Ngày 12/11/2022, ông Đ có chuyển vào tài khoản bà Nguyễn Thị D 50.000.000 đồng, nội dung vợ chồng bà D, ông T mượn.

Ngày 13/11/2022, ông Đ có chuyển vào tài khoản bà Nguyễn Thị D 50.000.000 đồng, nội dung vợ chồng bà D, ông T mượn.

Giấy mượn tiền viết mượn ngày 12/11/2022, hoàn trả lại ngày 15/01/2023, tính đến nay đã quá hạn mà vẫn chưa trả.

Ngày 21/12/2022, ông Đ có chuyển vào tài khoản bà Nguyễn Thị D 12.000.000 đồng và đưa tiền mặt 1 lần 15.000.000 đồng

Tính đến nay số tiền gốc bà D, ông T còn nợ ông Đ là 255.500.000 đồng.

Lý do ông Đ cho bà D, ông T này mượn tiền vì bà D, ông T nói con trai bà D, ông T đang gửi về cho bà D, ông T 10.000USD, mà nó bận học bác sĩ trong quân đội M nó không ra ngoài được, ra là nó gửi về bà D, ông T trả ông Đ liền.

Lâu quá không thấy trả ông Đ có hỏi thì bà D, ông T nói “không dám xin tiền nó vì nó đang lo tiền để bảo lãnh gia đình bà D, ông T qua Mỹ định cư”.

Ông Đ đòi thì bà D, ông T kêu ông Đ vay mượn để chi tiêu rồi bà D, ông T trả. Ông Đ đã vay mượn bà D, ông T cũng không trả, và ông Đ đang thiếu nợ.

Chứng cứ chứng minh ông Đ đã giao cho bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn T số tiền 255.500.000 đồng là sao kê của Ngân hàng TMCP S.

Ông Đ đã gặp trực tiếp (trước tết G Thìn 2024) để đòi nợ bà D, ông T không trả.

Ông Đ xác định bà D, ông T chưa trả cho ông Đ số tiền nợ gốc nào, bà D, ông T đã trả lãi được khoảng 17.500.000 đồng.

Ông Lê Long Phi Đ khởi kiện yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T phải trả cho ông Lê Long P Đình số tiền nợ gốc 255.500.000đ (hai trăm năm mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng); không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa ông Lê Long Phi Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T phải trả cho ông Lê Long P Đình số tiền 241.000.000đ (hai trăm bốn mươi một triệu đồng).

*Bị đơn bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng bà D, ông T đều vắng mặt và không có lời khai, ý kiến trình bày.*

*- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Long Phi Đ là có cơ sở, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Long Phi Đ, buộc bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T phải trả cho ông Lê Long P Đình số tiền nợ gốc 241.000.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả cho ông Lê Long P Đình số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ từ quan hệ vay mượn tiền giữa hai bên, nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Do bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, Tòa án thu thập trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết vụ án.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T có địa chỉ tại phường B, tỉnh Đồng Nai; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về giao dịch hợp đồng vay tài sản:

Ông Lê Long Phi Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T phải trả số tiền nợ gốc 255.000.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông Đ giao nộp cho Tòa án 02 giấy mượn tiền, cụ thể:

Giấy mượn tiền 1: Lập ngày 10/01/2022 có nội dung ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị D vay của ông Lê Long P Đình số tiền 100.000.000 đồng; thời hạn vay 02 tháng từ ngày 01/10/2022 đến ngày 01/12/2022.

Giấy mượn tiền số 2: Lập ngày 12/11/2022 có nội dung ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị D vay của anh số tiền 150.000.000 đồng; thời hạn vay 02 tháng từ ngày 12/11/2022 đến ngày 15/01/2023.

Qua xem xét 02 giấy mượn tiền này thì là giấy viết tay, không được công chứng, chứng thực, không có người làm chứng; chưa có ý kiến thừa nhận của bà D, ông T, nên chưa đủ cơ sở chữ ký trong 02 giấy mượn tiền này có phải chữ ký của bà D, ông T hay không.

Theo ông Đ trình bày trong số tiền 255.000.000 đồng ông Đ khởi kiện thì có số tiền 18.000.000 đồng là tiền thuê kiốt, 3.000.000 đồng là tiền mua thêm xe bán sinh tố với thùng đá; tổng cộng là 21.000.000 đồng. Tòa án đã yêu cầu ông Đ giao nộp tài liệu chứng cứ đối với số tiền này, tuy nhiên ông Đ không giao nộp được tài liệu chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ xác định số tiền 21.000.000 đồng này.

Tại phiên tòa ông Lê Long Phi Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T phải trả cho ông Lê Long P Đình số tiền 241.000.000đ (hai trăm bốn mươi một triệu đồng).

Số tiền còn lại ông Đ trình bà là ông Đ chuyển khoản cho bà D. Theo sao kê tài khoản Ngân hàng TMCP S (S) do ông Đ giao nộp và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập tại Ngân hàng TMCP S (S1) thể hiện ông Lê Long Phi Đ đã chuyển tiền từ tài khoản 20774653939 ngân hàng S (ông Đ là chủ tài khoản) đến tài khoản 050128468630 ngân hàng S1 (bà D là chủ tài khoản), cụ thể như sau: ngày 04/12/2022 chuyển khoản 29.000.000 đồng, ngày 05/10/2022 chuyển khoản 50.000.000 đồng, ngày 22/10/2022 chuyển khoản 30.000.000 đồng, ngày 24/10/2022 chuyển khoản 20.000.000 đồng, ngày 12/11/2022 chuyển khoản 50.000.000 đồng, ngày 14/11/2022 chuyển khoản 50.000.000 đồng, ngày 21/12/2022 chuyển khoản 12.000.000 đồng; Tổng cộng: 241.000.000 đồng. Nội dung trong các giao dịch chuyển khoản này là “em Đình chuyển tiền cho 2 vợ chồng anh T1 chi D mượn”. Như vậy có đủ cơ sở xác định ông Lê Long Phi Đ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T mượn số tiền 241.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ của nguyên đơn:

Như đã nhận định, đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T có mượn của ông Lê Long P Định số tiền 241.000.000 đồng nợ gốc là có thật.

Ông Đ trình bày ông cho bà D, ông T vay với lãi suất 5%/ tháng. Quá trình vay bà D, ông T chưa trả được cho ông Đ số tiền gốc nào; bà D mới chuyển khoản trả lãi cho ông Đ được số tiền 17.500.000 đồng. Qua xem xét tài liệu do Ngân hàng S1 cung cấp cho Tòa án thể hiện bà D nhiều lần chuyển tiền cho ông Đ từ tài khoản 050128468630 ngân hàng S1 (bà D là chủ tài khoản) đến tài khoản 20774653939 ngân hàng S (ông Đ là chủ tài khoản) với tổng số tiền là 17.000.000 đồng, lần cuối cùng bà D chuyển khoản cho ông Đ là ngày 17/4/2023. Căn cứ vào tài liệu này và trình bày của ông Đ thì xác định số tiền bà D chuyển cho ông Đ là trả tiền lãi, không phải trả tiền gốc.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Long Phi Đ, buộc bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T phải trả cho ông Lê Long P Định số tiền nợ gốc 241.000.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu đồng).

Ông Lê Long Phi Đ không yêu cầu lãi, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Long Phi Đ được chấp nhận.

Hoàn trả cho ông Lê Long P Định số tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Long Phi Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T phải trả cho ông Lê Long P Định số tiền 241.000.000đ (hai trăm bốn mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**2. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị D, ông Phạm Văn T phải chịu 12.050.000 đồng (mười hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Long P Đình số tiền 6.387.500 đồng tạm ứng án phí ông Đ đã nộp tại Biên lai thu số 0006216 ngày 19/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (cũ), nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai.

**3.** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND KV1-ĐN;
- Phòng THADS KV1-ĐN;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Quyền**

